

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2025-2026
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Ngày thanh lý/ Nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm công trình	Thành viên tham gia
1	Tư vấn khảo sát địa hình và địa chất công trình giai đoạn TKCS và TKBV TC dự án ĐTXD khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, X.Phúc Hoà, H.Phúc Thọ, TP.HN	84/2025-CODECO	28/05/2025	04/08/2025	547.143.562	547.143.562	Đỗ Minh Tính	Phạm Thị Ngọc Hà Nguyễn Văn Hùng Dương Văn Bình
2	Dịch vụ khoan đồi 5	153/2025 - CODECO	27/08/2025	20/09/2025	96.636.229	96.636.229	Trần Thành Lê	Phạm Thị Ngọc Hà
3	Tư vấn,, khảo sát địa chất dự án Nhà máy đốt rác phát điện tại xã Hồng Lộc, H.Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	169/2024 - CODECO	27/12/2024	21/11/2025	1.677.046.680	1.677.046.680	Đỗ Minh Tính	Phạm Thị Ngọc Hà Bùi Văn Bình Nhữ Việt Hà Dương Văn Bình
4	Lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng tại mỏ cát TH12, H.Tiền Hải,T.Thái Bình	222/2024 - CODECO	15/12/2024	11/12/2025	150.000.000	150.000.000	Trần Thành Lê	Phạm Thị Ngọc Hà Bùi Văn Bình
5	Định vị điểm, đo đạc và lập bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản Núi Pháo.	223/2025 - CODECO	06/07/2025	19/12/2025	97.200.000	97.200.000	Trần Thành Lê	Phạm Thị Ngọc Hà
6	Dịch vụ khoan ba lỗ tại mỏ Núi Pháo	75/2025 - CODECO	10/05/2025	08/07/2025	236.781.873	236.781.873	Trần Thành Lê	Phạm Thị Ngọc Hà Nguyễn Văn Hùng
7	Làm nền khoan và sửa đường vận chuyển vào lỗ khoan khu vực xã Măng Đen, Quảng Ngãi	243/2025 - CODECO	27/09/2025	16/01/2026	723.000.000	723.000.000	Phạm Thị Ngọc Hà	Đỗ Thị Hải Đỗ Cao Cường

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Ngày thanh lý/ Nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm công trình	Thành viên tham gia
8	Khoan lấy mẫu địa chất khu vực Măng Đen, Quảng Ngãi	200/2025 - CODECO	20/11/2025	16/01/2026	2.980.240.000	2.980.240.000	Phạm Thị Ngọc Hà	Phạm Thị Việt Nga Đỗ Thị Hải Nguyễn Văn Hùng

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY



PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS.TS: *Lê Trọng Chấn*

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: **Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình**)

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty;
- Căn cứ yêu cầu của Hợp đồng số 2805/2025/HĐTV/PT/HPL-CODECO ký kết giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS Hải Phát.
- Xét kinh nghiệm chuyên môn và năng lực cá nhân;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm ông Đỗ Minh Tính giữ chức danh Chủ nhiệm công trình: Tư vấn khảo sát địa hình và địa chất công trình giai đoạn Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công thuộc DA đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ của Chủ nhiệm công trình

1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ nội dung công việc theo đúng yêu cầu của đồng đã ký.
2. Điều hành nhân sự, phối hợp các bộ phận chuyên môn đảm bảo tiến độ - chất lượng - kỹ thuật - an toàn lao động.
3. Quản lý hồ sơ kỹ thuật: nhật ký, biện bản hiện trường, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán.
4. Báo cáo khối lượng, tiến độ, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Giám đốc công ty.

Điều 3. Quyền hạn của Chủ nhiệm công trình

1. Được quyền chủ động trực tiếp mua vật tư, hàng hóa, thuê nhân công, thuê thiết bị phục vụ công trình;

2. Ký xác nhận khối lượng nội bộ, nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu nội bộ và các hồ sơ kỹ thuật liên quan đến phần việc được giao.

3. Ký các đề nghị tạm ứng, thanh toán, thanh quyết toán phần công việc của công trình; đề nghị hỗ trợ nhân lực, thiết bị và các điều kiện làm việc cần thiết.

4. Đề xuất biện pháp kỹ thuật, xử lý phát sinh trong quá trình thực hiện công trình

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị chức năng liên quan và ông Đỗ Minh Tính chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP Công ty.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025

HỢP ĐỒNG
Tư vấn khảo sát xây dựng công trình
Số: 2805/2025/HĐTV/PT/HPL-CODECO

Gói thầu : Tư vấn khảo sát địa hình và địa chất công trình giai đoạn
Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công

Dự án : Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã
Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

Địa điểm : Xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BĐS HẢI PHÁT

Và

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, quy định về xác định và quản lý chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 08/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông-tư số 11/2021/TT-BXD;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 15/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD;
- Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của UBND huyện Phúc Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, tỷ lệ 1/500;
- Căn cứ Quyết định số 3576/QĐ-UBND ngày 09/07/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 15/05/2025 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.
- Căn cứ các văn bản pháp lý, hồ sơ khác, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan;
- Căn cứ nhu cầu của bên A, năng lực, kinh nghiệm của bên B.

PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày **28** tháng **05** năm 2025, tại Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Hải Phát, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A):

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN HẢI PHÁT	
Người đại diện	: Ông Vũ Kim Giang	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ	: Tầng 3 TTTM HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	
Điện thoại	: 0243.2080.599	
Tài khoản số	: 0111110229999	
Tại ngân hàng	: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Sở giao dịch 3	
Mã số thuế	: 0108567242	

2. NHÀ THẦU (BÊN B):

Tên giao dịch	: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT	
Người đại diện	: Ông Trần Đình Kiên	Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ	: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	
Điện thoại	: 0243.7550428	
Tài khoản số	: 111000037499	
Tại ngân hàng	: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội	
Mã số thuế	: 0101074336	

Các bên thống nhất thoả thuận hợp đồng như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Bên giao thầu/ Bên A/ Chủ đầu tư/ là “Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Hải Phát”.

2. Bên nhận thầu/ Bên B/ Nhà thầu là “Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất”.

3. Dự án là “Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội”.

4. Gói thầu là “Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình giai đoạn Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công”.

5. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc.

6. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 (Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên).

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là “Ngày dương lịch” và tháng là “Tháng dương lịch”.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm Hợp đồng Tư vấn khảo sát và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng Tư vấn khảo sát địa hình và địa chất công trình giai đoạn Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- b) Nhiệm vụ khảo sát xây dựng do đơn vị thiết kế lập đã được Bên A phê duyệt;
- c) Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng của Bên B;
- d) Biên bản thương thảo Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có);
- e) Các phụ lục của hợp đồng (nếu có);
- f) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận hoặc yêu cầu nào của một bên đưa ra phải

bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

3. Văn bản của một bên được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được văn bản hoặc theo ngày có hiệu lực được nêu trong văn bản.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

1. Nội dung, khối lượng công việc của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục 01 [Nội dung và chi tiết giá hợp đồng], bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với Nhiệm vụ khảo sát xây dựng do đơn vị thiết kế lập đã được Bên A phê duyệt;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành về khảo sát xây dựng đã được áp dụng.

b) Thực hiện các công việc khảo sát theo đúng Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát đã được Bên A phê duyệt, các tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), quy chuẩn Việt Nam (QCVN) và các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

c) Lập báo cáo các kết quả khảo sát.

2. Sản phẩm của Hợp đồng:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 33 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn (nếu có), bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất.

c) Các phụ lục liên quan kèm theo.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 07 bộ.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng

- Hợp đồng Tư vấn khảo sát xây dựng đã ký kết giữa các bên;
- Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng đã được Bên A phê duyệt.;
- Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;
- Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng.

2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần. Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm khảo sát địa hình, địa chất do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng, nhà thầu có trách nhiệm phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là **40 (bốn mươi) ngày** kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm thứ 7, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Nhà nước. *(Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ phê duyệt Phương án kỹ thuật khảo sát và các trường hợp bất khả kháng).*

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng

a) Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

b) Giá hợp đồng (đã bao gồm 8% thuế VAT) : **649.004.000 đồng** *(Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi chín triệu không trăm linh bốn nghìn đồng).*

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo quy định hiện hành trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng và thay đổi theo quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm phát hành hóa đơn giá trị gia tăng. Trên cơ sở nguyên tắc: Giá trị Hợp đồng sau thuế điều chỉnh = Giá trị trước thuế không thay đổi + Giá trị VAT điều chỉnh theo quy định.

- Đơn giá hợp đồng là không đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Khối lượng được nghiệm thu theo thực tế.

- Chi tiết giá hợp đồng theo Phụ lục số 01: Nội dung và chi tiết giá hợp đồng.

c) Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Nội dung của giá Hợp đồng

a) Giá Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các chi phí gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu.

- Toàn bộ các chi phí khác có liên quan để thực hiện và hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

3. Tạm ứng:

a) Bên A sẽ tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền: **259.601.600 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu sáu trăm linh một nghìn sáu trăm đồng) trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ bao gồm:

+ Giấy đề nghị tạm ứng (theo mẫu của bên A);

+ Hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng (bản sao).

+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Ngân hàng theo quy định tại Điều 11

+ Bảo lãnh tạm ứng của Ngân hàng theo quy định tại Điều 11.

4. Thanh toán giai đoạn: Không áp dụng

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

6. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc

a) Những khối lượng công việc bổ sung hợp lý chưa có trong đơn giá Hợp đồng thì Chủ đầu tư và Nhà thầu phải thống nhất đơn giá trước khi thực hiện;

b) Các khối lượng công việc đã có đơn giá trong Hợp đồng được xác định

theo khối lượng hoàn thành theo thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng Hợp đồng) được nghiệm thu;

c) Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận Hợp đồng và quy định của Pháp luật hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì Nhà thầu phải kiến nghị Chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì Nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

1. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng:

Trước khi Bên A tạm ứng hợp đồng cho Bên B, trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B có nghĩa vụ nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và nội dung theo mẫu tại phụ lục số 03 hoặc theo mẫu của Ngân hàng được Bên A chấp thuận. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng là vô điều kiện, không hủy ngang.

- Giá trị của bảo lãnh: Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng có giá trị bằng với giá trị tạm ứng hợp đồng và có hiệu lực trong vòng **60 ngày** kể từ ngày phát hành hoặc kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng được ghi có vào tài khoản của Bên B.

- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Nếu đến trước thời hạn hết hiệu lực của Bảo lãnh 10 ngày mà Bên A chưa thu hồi hết số tiền đã tạm ứng cho Bên B thì Bên B phải thực hiện gia hạn thời gian bảo lãnh tạm ứng cho đến khi số tiền tạm ứng hợp đồng được khấu trừ hết. Việc gia hạn thời gian bảo lãnh tạm ứng phải được hoàn thành trước tối thiểu 03 ngày trước ngày hết hạn. Chi phí gia hạn bảo lãnh do Bên B chi trả.

- Xử lý bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

+ Bên B không thực hiện việc gia hạn thời hạn của Bảo lãnh tạm ứng như đã nêu tại Hợp đồng;

+ Bên B sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng không đúng mục đích của hợp đồng;

+ Bên B vi phạm nghiêm trọng một trong các nghĩa vụ theo quy định tại Điều khoản [Quyền và nghĩa vụ của các Bên], đã bị Bên A nhắc nhở bằng văn bản 03 lần nhưng vẫn cố tình không khắc phục;

+ Những trường hợp cho phép Bên A chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này;

2. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

a) Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng vô điều kiện, không hủy ngang và không cần phải chứng minh lỗi vi phạm của Bên B, do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được Bên A chấp thuận.

Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng là **3%** giá trị hợp đồng, tương đương với **19.470.120 đồng** (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn một trăm hai mươi đồng).

Thư bảo lãnh phải có hiệu lực tối thiểu đến khi toàn bộ sản phẩm khảo sát được hoàn thành và nghiệm thu theo quy định, được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát (nếu có) xác nhận bằng văn bản.

b) Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng sản phẩm khảo sát, hoặc vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng.

c) Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành và được nghiệm thu toàn bộ sản phẩm khảo sát theo hợp đồng, Bên A có trách nhiệm hoàn trả thư bảo lãnh hoặc thông báo bằng văn bản cho ngân hàng phát hành để giải tỏa bảo lãnh.

d) Trường hợp quá thời hạn nêu tại mục a) Điều này mà Bên B không nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng và không có lý do bất khả kháng được Bên A chấp thuận, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và lựa chọn nhà thầu khác để thực hiện công việc. Mọi thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng trong trường hợp này sẽ do Bên B chịu trách nhiệm.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của Nhà thầu

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn khảo sát xây dựng.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhân lực của tư vấn sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

c) Sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

d) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

đ) Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

e) Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

f) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

g) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định, ... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

h) Nhà thầu không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Chủ đầu tư khi chưa được Chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

i) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn đề hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

k) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

l) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 3 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này Nhà thầu không có ý kiến thì coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

m) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

n) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

e) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

a) Hướng dẫn Nhà thầu về những nội dung liên quan đến công trình; tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

b) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

e) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Điều 15. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của Nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 02 [Nhân lực của nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải có văn bản trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp nhận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục Nhân lực của Nhà thầu.

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước được, bao gồm nhưng không giới hạn, như: động đất, bão lớn, lũ, lụt, lở đất, sóng thần, hỏa hoạn; chiến tranh, dịch bệnh lớn, các thảm họa thiên nhiên khác và các điều kiện địa chất đặc biệt như: hang ngầm, di tích khảo cổ, cổ vật, túi bùn,....

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá Hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

3. Thông báo về bất khả kháng

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của Hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong Hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu và yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 30 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Hợp đồng tự động chấm dứt sau 07 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng đến bên B khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Nhà thầu không khắc phục được sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời hạn 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, hoặc việc khắc phục đó không đạt yêu cầu của Chủ đầu tư.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 (Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng), hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 (Khiếu nại và giải quyết tranh chấp).

f) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 (Rủi ro và bất khả kháng).

h) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 (Khiếu nại và giải quyết tranh chấp) sau 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 (Khiếu nại và giải quyết tranh chấp).

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể tiếp tục thực hiện.

e) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng:

Sau khi thống nhất chấm dứt hợp đồng, hai bên xác nhận giá trị của bên B đã thực hiện được nghiệm thu, đồng thời xác nhận giá trị bên A đã tạm ứng, thanh toán cho bên B và các khoản chi phí phạt, bồi thường theo quy định của hợp đồng, nếu:

- Giá trị thực hiện được xác nhận của bên B lớn hơn giá trị bên A đã tạm ứng thì bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại cho bên B.

- Nếu Bên B vi phạm Hợp đồng làm phát sinh quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng của Bên A, các Bên có nghĩa vụ đối chiếu, xác nhận công nợ đối với các hạng mục đã hoàn thành thi công và được Bên A nghiệm thu trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên A có quyền đối trừ các khoản phạt vi phạm của Bên B, khoản tiền lãi chậm thanh toán và các nghĩa vụ tài chính khác mà Bên B phải thực hiện đối với Bên A khi Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Trường hợp các nghĩa vụ tài chính mà Bên B phải thanh toán cho Bên A (bao gồm cả các khoản phạt, lãi chậm thanh toán và nghĩa vụ tài chính khác) lớn hơn số tiền Bên A phải thanh toán cho Bên B đối với các hạng mục đã hoàn thành thì Bên B có nghĩa vụ thực hiện các nghĩa vụ tài chính nêu trên trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A thông báo đến Bên B. Trường hợp chậm thanh toán, Bên B còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả với mức lãi suất cho vay do của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam công bố tính trên số ngày chậm trả tính trên tổng nghĩa vụ tài chính tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 21. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

- a) Phạt do chậm tiến độ:

- Nếu Bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng đã ký kết không phải do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 10 [Rủi do và bất khả kháng] hoặc không phải do các nguyên nhân khác được Chủ đầu tư chấp nhận thì Bên B sẽ bị phạt **1%** giá trị hợp đồng cho **02** ngày chậm tiến độ nhưng tổng số tiền phạt không quá **8%** giá trị hợp đồng.

- b) Phạt do không đảm bảo chất lượng công việc:

- Nếu chất lượng sản phẩm tư vấn không đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước dẫn tới không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong vòng 10 ngày kể từ ngày bị từ chối phê duyệt mà bên B không khắc phục hoặc không khắc phục được thì bên B phải bồi hoàn toàn bộ số tiền đã nhận được từ bên A (bao gồm tiền tạm ứng, thanh toán...) trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật và các nguyên nhân khác không phải do lỗi của bên B.

- Nếu sản phẩm của bên B đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, bên A phát hiện các lỗi phát sinh do lỗi của bên B chưa tính hết trong sản phẩm dịch vụ tư vấn, bằng kinh phí của

mình, bên B phải tính toán và điều chỉnh lại cho phù hợp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lại.

Điều 22. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khiếu nại:

Khiếu nại trong hợp đồng được hiểu là một Bên phát hiện Bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu Bên kia thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó Bên phát hiện có quyền khiếu nại Bên kia về nội dung này.

- Khi một Bên khiếu nại Bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể làm sáng tỏ nội dung khiếu nại.

- Trong vòng 05 ngày kể từ khi phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, Bên khiếu nại phải thông báo ngay cho Bên kia về nội dung đó và khiếu nại về nội dung này.

- Bên nhận được khiếu nại phải phản hồi trong 5 ngày. Nếu không phản hồi hoặc không chứng minh được lý do phản đối, thì coi như đã chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại.

2. Giải quyết tranh chấp:

- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

- Trường hợp thương lượng không có kết quả các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

- Thời gian thực hiện quyết toán Hợp đồng: Trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc toàn bộ công tác tư vấn, Bên B có trách nhiệm hoàn thành công tác lập hồ sơ quyết toán Hợp đồng và gửi đến Bên A.

Nếu bên A không đồng ý hoặc cho rằng bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

- Hồ sơ quyết toán hợp đồng, bao gồm:

a) Công văn đề nghị quyết toán (Theo mẫu Bên A): 02 bản gốc.

b) Bảng xác định Giá trị khối lượng quyết toán: 07 bộ gốc.

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn: 07 bộ gốc.

- d) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có): 07 bộ gốc.
- e) Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- f) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng: 07 bộ gốc
- g) Hồ sơ quản lý chất lượng công tác khảo sát: 01 bộ gốc hoặc sao y công chứng + 03 bộ sao y của nhà thầu
- h) Các tài liệu khác có liên quan.

- Thời gian thanh toán: Sau khi hai bên đã thống nhất hồ sơ quyết toán, bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp đồng từ Bên B.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 24. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi:

- Các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- Hai bên thỏa thuận bằng văn bản;
- Theo quy định của Hợp đồng này;
- Theo quy định của Pháp luật.

Hợp đồng này bao gồm 17 trang và 03 phụ biểu kèm theo, được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 05 (năm) bản, nhà thầu sẽ giữ 03 (ba) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Vũ Kim Giang

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

Phụ lục số 01: Nội dung và chi tiết giá hợp đồng
(Kèm theo Hợp đồng Số: 2805/2025/HĐTV/PT/HPL-CODECO)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
A	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH				51.316.301
1	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyển cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	5	1.649.801	8.249.005,0
2	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình III	km	5	641.570	3.207.850,0
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình III	ha	6	1.319.803	7.918.818,0
4	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	15,152	1.054.007	15.970.314,0
5	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	15,152	1.054.007	15.970.314,0
B	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT				549.613.329
I	Công tác khoan khảo sát hiện trường				472.628.250
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III.	m khoan	450,0	817.845	368.030.250,0
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III.	m khoan	450,0	193.700	87.165.000,0
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III.	lần TN	225,0	77.480	17.433.000,0
II	Công tác thí nghiệm trong phòng				70.958.850

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng.	1 chỉ tiêu	225,0	61.984	13.946.400,0
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm.	1 chỉ tiêu	150,0	38.740	5.811.000,0
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy.	1 chỉ tiêu	150,0	79.202	11.880.300,0
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt.	1 chỉ tiêu	150,0	67.149	10.072.350,0
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	1 chỉ tiêu	150,0	55.097	8.264.550,0
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông.	1 chỉ tiêu	150,0	73.176	10.976.400,0
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng).	1 chỉ tiêu	150,0	38.740	5.811.000,0
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời.	1 chỉ tiêu	75,0	55.958	4.196.850,0
III	Các chi phí khác				6.026.229
1	Vận chuyển thiết bị máy móc	trọn gói	1,0	3.443.559	3.443.559,0
2	Phân tích số liệu, lập phương án kỹ thuật và lập báo cáo kết quả khảo sát	bộ	6,0	430.445	2.582.670,0
Tổng giá trị trước thuế					600.929.630
Thuế (VAT) 8%					48.074.370
Tổng giá trị sau thuế					649.004.000

Phụ lục số 02: Nhân lực của Nhà thầu
(Kèm theo Hợp đồng Số: **2805/2025/HĐTV/PT/HPL-CODECO**)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Đỗ Minh Tính	Tiến sỹ địa chất công trình	Phụ trách công tác khảo sát xây dựng
2	Hoàng Đình Quý	Thạc sỹ địa chất công trình	Chủ trì khảo sát địa chất
3	Trần Chí Hiếu	Kỹ sư trắc địa	Chủ trì khảo sát địa hình
4	Nguyễn Xuân Duật	Cử nhân địa chính	Cán bộ đo vẽ, khảo sát hiện trường
5	Nguyễn Danh Hào	Kỹ sư kỹ thuật địa chất	Phụ trách kỹ thuật địa chất hiện trường, xử lý số liệu trong phòng
6	Đinh Hồng Chuyên	Kỹ sư XD đường ô tô và sân bay	Trưởng Phòng thí nghiệm
7	Phạm Văn Tú	Kỹ sư kỹ thuật địa chất	Phụ trách thí nghiệm trong phòng

Phụ lục số 03: Các mẫu bảo lãnh
(Kèm theo Hợp đồng Số: 2805/2025/HĐTV/PT/HPL-CODECO)

Ngày tháng năm

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Hải Phát

Căn cứ Hợp đồng số..... ký ngày..... giữa Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Hải Phát (sau đây gọi là “Bên A”) và (Sau đây gọi là “Bên B”) về việc (Sau đây gọi là “Hợp đồng”);

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của Hợp đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảo lãnh Ngân hàng để đảm bảo Bên B sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng: (Bằng chữ:)

Chúng tôi, Ngân hàng có trụ sở đăng ký tại..... (Sau đây gọi là “Ngân hàng”), cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên A ngay sau khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản đầu tiên của bên A với một khoản tiền không vượt quá: (Bằng chữ:) cùng thông báo bên B vi phạm điều khoản theo quy định tại hợp đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày.... đến ngày..... và bảo lãnh chỉ có hiệu lực khi số tiền: của hợp đồng được chuyển về tài khoản của..... tại ngân hàng..... hoặc khi Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Thư bảo lãnh này chỉ phát hành một bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và tuân theo Luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến thư bảo lãnh này sẽ đưa ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Giám đốc Ngân hàng(*)

(ký tên, đóng dấu)

(*) Nếu là Phó giám đốc phải có văn bản ủy quyền hoặc phân công nhiệm vụ.



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 04 tháng 08 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: 00681A7B2D5AFC4F0799AA62058DF578A1

Ký hiệu: 1C25TMD

Số: 143

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN HẢI PHÁT

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: 0111110229999 Tại: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 3

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 0108567242

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành của Hợp đồng số 2805/2025/HĐTV/PT/HPL-CODECO, ký ngày 28/05/2025, về việc Tư vấn khảo sát địa hình và địa chất công trình giai đoạn Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công, Dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.				506.614.409
Tỷ giá: 1 VND /VND		Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:			506.614.409
Quy đổi: 547.143.562 VND		Tiền thuế GTGT:			40.529.153
Thuế suất GTGT: 8%		Tổng tiền thanh toán:			547.143.562

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN
KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 04/08/2025 16:22:25

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: B52B0698C84F9FC5

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dư dỹ 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
CERTIFICATE OF PERSONAL INCOME TAX WITHHOLDING

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP (Information of the income paying organization):

- [01] Tên tổ chức trả thu nhập (Name of the income paying organization): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT
- [02] Mã số thuế (Tax identification number): 0101074336
- [03] Địa chỉ (Address): Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
- [04] Điện thoại (Telephone Number): 02437550428

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH (Personal information, business household, individual business):

- [05] Họ và tên (Full name): Phạm Thị Ngọc Hà
- [06] Mã số thuế (Tax identification number): 019181000053
- [07] Quốc tịch (Nationality): Việt Nam
- [08] Cá nhân cư trú (Resident individual): ☒ [09] Cá nhân không cư trú (Non Resident individual): ☐
- [10] Địa chỉ (Contact Address): Số 1, dãy A3 ngõ 126 Hoàng Quốc Việt, tổ 16, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
- [11] Điện thoại liên hệ (Telephone Number): 0982455486
- [12] Sổ định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc sổ hộ chiếu (Trường hợp chưa đăng ký thuế): 019181000053
(ID, identity document or passport (For individuals who have not yet registered for tax))

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ (Information of personal income tax withholding):

- [13] Khoản thu nhập (Type of income): Tiền lương, tiền công thực hiện công trình năm 2025
- [14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc (The aforesaid deductible insurance premiums): 0 đồng
- [15] Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học (Charitable contribution): 0 đồng
- [16] Thời điểm trả thu nhập (Time of income payment): Từ tháng (month): 1 đến tháng (month): 12 năm (year): 2025
- [17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ (Total taxable income to be-withheld): 25.000.000 đồng
- [18] Tổng thu nhập tính thuế (Total tax calculation income): 25.000.000 đồng
- [19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ (Amount of personal income tax withheld): 2.500.000 đồng

Hà Nội, ngày (date) 25 tháng (month) 4 năm (year) 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ
(Representative of deduction organization)
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY
DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT
Ngày ký: 25/04/2026

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MÔ - ĐỊA
CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Mẫu số (Form No): 03/TNCN
Ký hiệu (Serial No): CT/26E
Số (No.): 8

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
CERTIFICATE OF PERSONAL INCOME TAX WITHHOLDING

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP (Information of the income paying organization):

[01] Tên tổ chức trả thu nhập (Name of the income paying organization): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT
[02] Mã số thuế (Tax identification number): 0101074336
[03] Địa chỉ (Address): Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
[04] Điện thoại (Telephone Number): 02437550428

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH (Personal information, business household, individual business):

[05] Họ và tên (Full name): Nguyễn Văn Hùng
[06] Mã số thuế (Tax identification number): 024089020293
[07] Quốc tịch (Nationality): Việt Nam
[08] Cá nhân cư trú (Resident individual): ☒ [09] Cá nhân không cư trú (Non Resident individual): ☐
[10] Địa chỉ (Contact Address): P2009, toà N02 Ecohome 3, TDP Đông Ngạc 5, phường Đông Ngạc, TP Hà Nội.
[11] Điện thoại liên hệ (Telephone Number): 0383593226
[12] Sổ định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc sổ hộ chiếu (Trường hợp chưa đăng ký thuế): 024089020293
(ID, identity document or passport (For individuals who have not yet registered for tax))

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ (Information of personal income tax withholding):

[13] Khoản thu nhập (Type of income): Tiền lương, tiền công thực hiện công trình năm 2025
[14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc (The aforesaid deductible insurance premiums): 0 đồng
[15] Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học (Charitable contribution): 0 đồng
[16] Thời điểm trả thu nhập (Time of income payment): Từ tháng (month): 1 đến tháng (month): 12 năm (year): 2025
[17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ (Total taxable income to be-withheld): 126.000.000 đồng
[18] Tổng thu nhập tính thuế (Total tax calculation income): 126.000.000 đồng
[19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ (Amount of personal income tax withheld): 12.600.000 đồng

Hà Nội, ngày (date) 7 tháng (month) 4 năm (year) 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ
(Representative of deduction organization)
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY
DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT
Ngày ký: 07/04/2026

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
CERTIFICATE OF PERSONAL INCOME TAX WITHHOLDING

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP (Information of the income paying organization):

- [01] Tên tổ chức trả thu nhập (Name of the income paying organization): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT
- [02] Mã số thuế (Tax identification number): 0101074336
- [03] Địa chỉ (Address): Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
- [04] Điện thoại (Telephone Number): 02437550428

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH (Personal information, business household, individual business):

- [05] Họ và tên (Full name): Dương Văn Bình
- [06] Mã số thuế (Tax identification number): 031087000122
- [07] Quốc tịch (Nationality): Việt Nam
- [08] Cá nhân cư trú (Resident individual): ☒ [09] Cá nhân không cư trú (Non Resident individual): ☐
- [10] Địa chỉ (Contact Address): Tổ 15 Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng, Việt Nam.
- [11] Điện thoại liên hệ (Telephone Number): 0904546259
- [12] Sổ định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc sổ hộ chiếu (Trường hợp chưa đăng ký thuế): 031087000122
(ID, identity document or passport (For individuals who have not yet registered for tax))

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ (Information of personal income tax withholding):

- [13] Khoản thu nhập (Type of income): Tiền lương, tiền công thực hiện công trình năm 2025.
- [14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc (The aforesaid deductible insurance premiums): 0 đồng
- [15] Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học (Charitable contribution): 0 đồng
- [16] Thời điểm trả thu nhập (Time of income payment): Từ tháng (month): 1 đến tháng (month): 12 năm (year): 2025
- [17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ (Total taxable income to be-withheld): 20.500.000 đồng
- [18] Tổng thu nhập tính thuế (Total tax calculation income): 20.500.000 đồng
- [19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ (Amount of personal income tax withheld): 2.050.000 đồng

Hà Nội, ngày (date) 6 tháng (month) 4 năm (year) 2026
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ
(Representative of deduction organization)
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN,
TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY
DỰNG MÔ - ĐỊA CHẤT
Ngày ký: 06/04/2026

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2025

DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

SỐ 84/2025-CODECO ngày 28/05/2025

STT	Họ và tên	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	Đỗ Minh Tính	Tư vấn khảo sát địa hình và địa chất công trình giai đoạn TKCS và TKBV TC dự án ĐTXD khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, X.Phúc Hoà, H.Phúc Thọ, TP.HN	HĐ: 28/05/2025 – 04/08/2025	Chủ nhiệm
2	Phạm Thị Ngọc Hà			Thành viên
3	Nguyễn Văn Hùng			Thành viên
4	Dương Văn Bình			Thành viên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên